TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 9 - 2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Ngụy Thị Thanh Thủy;
2. Ông Lê Công Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1991;
Địa chỉ: Số nhà F thôn G, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Phạm Đình T, sinh năm: 1985;
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(*các đương sự vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày*:

Bà H và ông T kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, gia đình rơi vào tình

trạng căng thẳng trầm trọng. Đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại nói chuyện để tìm cách giải quyết nhưng đều không có kết quả, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, không thể kéo dài cuộc sống chung nữa. Từ năm 2019, bà H và con chuyển về nhà bố mẹ bà H ở D sinh sống và vợ chồng bà H đã ly thân được 04 năm. Nay bà xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Đình T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 27/9/2015, hiện đang ở với bà H, khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.*

Tòa án nhân dân huyện Đam Rông không tiến hành hòa giải được do ông T vắng mặt và bà H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa về cơ bản đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Đình T; Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 27/9/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông Phạm Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Phạm Đình T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn là ông T có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 29/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Đình T là quan hệ hôn nhân hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc các đương sự vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà H:

[4.1] Bà H trình bày vợ chồng chung sống được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, gia đình rơi vào tình trạng căng thẳng trầm trọng. Đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại nói chuyện để tìm cách giải quyết nhưng đều không có kết quả, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, không thể kéo dài cuộc sống chung nữa. Từ năm 2019, bà H và con chuyển về nhà bố mẹ bà H ở D sinh sống và vợ chồng bà H đã ly thân được 04 năm. Bà xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Đình T.

[4.2] Tòa án nhân dân huyện Đam Rông xác minh tại địa phương thôn Đ, xã Đ thì được biết vợ chồng bà H, ông T quá trình chung sống ở địa phương có xảy ra mâu thuẫn và vài năm lại đây không còn chung sống với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T đều vắng mặt, thể hiện ông T không có thiện chí cũng như mong muốn đoàn tụ gia đình với bà H.

[4.3] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Đình T là trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng ông, bà có 01 con chung tên Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 27/9/2015, hiện đang ở với bà H, khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con trong khi ông T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy cháu N là con gái, đang ở cùng với mẹ nên cần giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành theo quy định của pháp luật sẽ đảm bảo các điều kiện cho cháu phát triển bình thường. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 27/9/2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật, ông Phạm Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010279 ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- UBND xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hải Dương